TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HSST
Ngày 29-08-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ An Toàn
Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 155/2018/HSST ngày 06 tháng 08 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 08 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày 22-05-1984 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 124/42 Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: quản lý kho; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Lê Thị P; vợ: Nguyễn Thị Thanh T, có một con sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 26 tháng 09 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Trần Văn P, sinh ngày 01-01-1989 tại Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số 1515/14/8 Đường 30/4, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: quản lý kho; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Trần Thị Mỹ D; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 26 tháng 09 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Tạ Quang K, sinh ngày 20-05-1976 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: Khối 4, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi ở: Số 33/7B L, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ văn hoá:

12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Hữu T và bà Trần Thị T; vợ: Lý Thị Khánh L; có ba con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 26 tháng 09 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bị hại: Công ty TNHH sản xuất giày U - Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Liang Wan F – Chủ tịch hội đồng thành viên (vắng mặt); Lê Thùy Vũ L – Tổng Giám đốc (có mặt).

Người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26-09-2017:

1. Phạm Quốc H – Tổng Giám đốc điều hành (vắng mặt).
2. Nguyễn Thị T – Phó tổng giám đốc tổng vụ (có mặt).
3. Nguyễn Thị H – Thư ký hội đồng thành viên (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 124/42 Đô Lương, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Lý Thị Khánh L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 33/7B Lê Phụng Hiểu, Phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 1221/5 Đường 30/4, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH sản xuất giày U (gọi tắt là công ty U), địa chỉ trụ sở tại Khu công nghiệp Đ, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Người đại diện theo pháp luật là Liang Wan F – Chủ tịch hội đồng thành viên và bà Lê Thùy Vũ L – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 09-04-2018.

Công ty U T: Hoàng Văn T giữ vị trí Quản lý Kho C bao gồm tài sản, nguyên phụ liệu và nhân sự; Trần Văn P giữ vị trí Tổ trưởng Kho C, Tạ Quang K giữ vị trí là nhân viên nhà chứa rác.

Tại Kho C, T có trách nhiệm cao nhất, quản lý toàn bộ nguyên phụ liệu, tài sản và nhân sự, báo cáo số liệu xuất – nhập – tồn nguyên phụ liệu cho Phó giám đốc phụ trách vật tư; P chịu trách nhiệm nhập - xuất nguyên liệu da trong quá trình sản xuất, nhập lại nguyên liệu da dư thừa sau sản xuất để quản lý. Việc nhập – xuất – thu hồi nguyên phụ liệu, tài sản tại Kho C tuân theo quy trình

quản lý chặt chẽ, qua nhiều công đoạn, có sổ sách chứng từ ghi chép đầy đủ và chữ ký xác nhận của các bên rất chi tiết, cụ thể. Khi bộ phận sản xuất muốn xuất da nguyên liệu từ Kho C đưa vào gia công thì phải có chứng từ đề nghị xuất kho giao cho T giải quyết, ký xác nhận rồi chuyển đến cho P thì nguyên phụ liệu mới được xuất ra khỏi Kho C. Khi lượng da nguyên phụ liệu sản xuất không hết, phải thu hồi đưa trở về lại Kho C thì quy trình thủ tục thu hồi nhập Kho C cũng chặt chẽ, cụ thể và chi tiết như khi xuất.

Ngày 25-09-2017, Công ty U tiến hành kiểm kê Kho C phát hiện bị mất 3.342 feet vuông da nguyên liệu mã DM620 (tương đương 238,7kg) nên đã trình báo sự việc. Ngày 26-09-2017, T, P, K đến Công an phường R, thành phố V tự thú, khai nhận hành vi lợi dụng vị trí việc làm và nhiệm vụ được phân công để chiếm đoạt số da nguyên liệu trên của công ty đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Quá trình điều tra kết luận:

Khoảng đầu tháng 8-2017, T, P biết trong Kho C có một số lượng da nguyên liệu dư thừa mã DM620 từ bộ phận sản xuất chuyển trả về kho nên rủ nhau lấy số da này đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, T rủ thêm K cùng tham gia thì K đồng ý.

Ngày 15-08-2017, K gặp Phạm Văn M (tên khác Năm) là nhân viên Công ty TNHH MTV Thương mại - Môi trường T là đối tác của Công ty U thường xuyên ra vào thu gom rác để trao đổi với M về việc tiêu thụ, M đồng ý tìm nơi tiêu thụ. Đến ngày 17-08-2017, M gặp K tại nhà chứa rác của Công ty U thông báo tìm được nơi tiêu thụ da bò với giá 80.000 đồng/kg. T, P, K thống nhất khi có da nguyên liệu dư thừa tại Kho C và có xe thu gom rác của Công ty T đến thì P sẽ chuyển số nguyên liệu da từ Kho C đến nhà chứa rác để K đưa lên xe thu gom rác chuyển ra ngoài bán cho M lấy tiền chia nhau tiêu xài. Với thủ đoạn này, từ ngày 22-08-2017 đến 16-09-2017,T, P, K chiếm đoạt da trong Kho C của Công ty U như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 22-08-2017, khi biết trong Kho C có da bò nguyên liệu ký hiệu DM620 do bộ phận sản xuất chuyển trả về, T nhắn tin điện thoại cho P mang da ra ngoài bán. P đã sử dụng xe nâng để chuyển khoảng hơn 120 kg da nguyên liệu mã DM620 đã được đóng vào thùng giấy từ Kho C đến nhà chứa rác giao cho K. Tại đây, K giao cho M đóng gói, cân trọng lượng rồi chuyển số da nguyên liệu trên cùng với rác của công ty lên xe thu gom rác đưa ra ngoài. M tiêu thụ số da bò nguyên liệu chiếm đoạt được, sau đó đưa cho K 9.600.000 đồng; K chia cho T 4.500.000 đồng, chia cho P 1.500.000 đồng.

Ngày 16-09-2017, cũng với cách thức như trên, T, P, K lấy số da nguyên liệu từ Kho C với khối lượng khoảng hơn 120 kg da nguyên liệu mã DM620 đưa ra nhà chứa rác giao cho M tiêu thụ được 8.000.000 đồng. Sau đó T được chia 2.500.000 đồng, P được chia 2.500.000 đồng, K được chia 3.000.000 đồng.

Đối tượng Phạm Văn M không có mặt tại địa P, Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm, khi nào bắt được sẽ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Biên bản xác định giá trị tài sản số 216/BB-PTCKH ngày 03-11-2017 của Hội đồng định giá kết luận: 3.342 feet vuông (tương đương 238,7 kg) nguyên liệu da bò màu đen ký hiệu DM620 giá trị 198.995.340 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2018/HSST-QĐ ngày 29-05-2018 yêu cầu thay đổi tội danh đối với các bị can T, P, K từ tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 sang tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác định: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29-05-2018, các bị can T, P, K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Tài liệu, chứng cứ của vụ án chứng minh hành vi của các bị can T, P, K chiếm đoạt nguyên phụ liệu trong Kho C do bản thân đang trực tiếp quản lý thỏa mãn yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; không thỏa mãn dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội "Trộm cắp tài sản" là chiếm đoạt tài sản do người khác đang quản lý.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P2 ngày 15-06-2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố Hoàng Văn T, Trần Văn P, Tạ Quang K về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Phân công cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tiến hành thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 11/2018/HSST-QĐ ngày 24-07-2018 của Tòa án nhân dân thành phố V yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, chứng cứ chứng minh các bị cáo phạm tội có tổ chức.

Công văn số 439/VKS-P2 ngày 01-08-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố Hoàng Văn T và đồng phạm theo nội dung cáo trạng số 30/CT-VKS-P2 ngày 15-06-2018.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo T, P, K mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của

Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh ; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định trong ngày 22-08-2017 và ngày 16-09-2017, tại trụ sở của Công ty TNHH sản xuất giày U thuộc Khu công nghiệp Đ, phường R, thành phố V; các bị cáo lợi dụng vị trí công việc được giao làm quản lý kho, thủ kho, nhân viên thu gom rác và lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý, giám sát của doanh nghiệp nên đã hai lần thực hiện thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt 3.342 feet vuông (tương đương 238,7 kg) nguyên liệu da bò có tổng trị giá 198.995.340 đồng của bị hại.

Xét thấy, các bị cáo đã có sự có sự câu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm; cùng bàn bạc, thống nhất trước về P thức, thủ đoạn, P tiện thực hiện tội phạm; phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi bị cáo theo từng công đoạn; móc nối trước với đối tượng Phạm Văn M để tiêu thụ tài sản chiếm đoạt; sau đó cùng nhau chia tiền hưởng lợi bất chính. Trong đó bị cáo T là người có vai trò khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác phạm tội; bị cáo P trực tiếp điều khiển xe nâng vận chuyển tài sản chiếm đoạt giao cho bị cáo K; bị cáo K móc nối với Phạm Văn M, chuyển tài sản chiếm đoạt theo xe rác cho M đưa ra ngoài để tiêu thụ, sau đó nhận tiền rồi chia lại cho T và P. Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm a, c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015) với các tình tiết định khung hình phạt: phạm tội có tổ chức, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đ đến dưới 200.000.000 đ.

So sánh thấy tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt tối đa nặng hơn tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX quyết định áp dụng Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp; ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa P. Các bị cáo bị áp dụng hai tình tiết định khung hình phạt, nên HĐXX không đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Cần xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội, tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tự thú, tự nguyện khai báo với Cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi người phạm tội bị phát hiện; tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo , ăn năn hối cải. Nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội hai lần, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành định lượng, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH sản xuất giày U xác định đã nhận số tiền bồi thường 199.050.000 đồng, không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

- Những người liên quan Nguyễn Thị T, Lý Thị Khánh L, Nguyễn Thị T đã giúp các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, không yêu cầu các bị cáo phải trả lại khoản tiền này, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu đen (thu của bị cáo T); 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu đen xám (thu của bị cáo P); 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu vàng trắng (thu của bị cáo K); các bị cáo xác định đã sử dụng các điện thoại trên làm P tiện liên lạc thực hiện tội phạm, nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5 màu trắng (thu của bị cáo K), điện thoại này bị cáo không sử dụng làm P tiện liên lạc thực hiện tội phạm, nên trả lại cho bị cáo K.

- Số tiền 17.600.000 là tài sản có nguồn gốc do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn T, Trần Văn P, Tạ Quang K phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" .

2. Áp dụng : Điểm a, c khoản 2 Điều 175; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Hoàng Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 09 năm 2018.

- Xử phạt: Tạ Quang K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 09 năm 2018.

- Xử phạt: Trần Văn P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 09 năm 2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu đen; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu đen xám; 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 6 PLUS màu vàng trắng; số tiền 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng);

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 5 màu trắng cho Tạ Quang K.

Vật chứng nêu trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 25/BB.CTTHADS ngày 03-04-2018 và Biên lai số 0009545 ngày 03-04-2018.

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thanh Hảo